

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÁP LỆNH
Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân

Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân số 03/2002/PL-UBTVQH11 ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2002, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 ngày 19 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Pháp lệnh này quy định về Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân¹.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Kiểm sát viên là người được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Điều 2

Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ cử nhân luật, đã được đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát, có tinh thần kiên

¹ Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 34/2002/QH10;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009 và bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011);

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân số 03/2002/PL-UBTVQH11.”

quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, có thời gian làm công tác thực tiễn theo quy định của Pháp lệnh này, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên.

Điều 3²

1. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có:

- a) Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- b) Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân;
- c) Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự bao gồm Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương đồng thời là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự.

2. Mỗi cấp Viện kiểm sát được bố trí các ngạch Kiểm sát viên khác nhau. Số lượng Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 4

Nhiệm kỳ của Kiểm sát viên là năm năm, kể từ ngày được bổ nhiệm.

Điều 5

Kiểm sát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 6

Kiểm sát viên trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà gây thiệt hại thì Viện kiểm sát nhân dân nơi người đó công tác phải có trách nhiệm bồi thường và người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 7

Kiểm sát viên phải giữ bí mật nhà nước và bí mật công tác theo quy định của pháp luật.

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Điều 8

Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quyết định, kháng nghị, kiến nghị và yêu cầu của Kiểm sát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 9

Khi phát hiện quyết định, kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu và hành vi khác của Kiểm sát viên không có căn cứ hoặc trái pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân có quyền yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại; cá nhân có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo với Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên hoặc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cơ quan, người nhận được yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết và trả lời theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống Kiểm sát viên.

Điều 10

Kiểm sát viên phải tôn trọng nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Kiểm sát viên liên hệ và phối hợp với cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ.

Nghiêm cấm mọi hành vi gây cản trở Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ.

Điều 11

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quản lý thống nhất đội ngũ Kiểm sát viên và công tác đào tạo, bồi dưỡng Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân các cấp; bảo đảm việc thực hiện các chế độ đối với Kiểm sát viên theo quy định của pháp luật, xây dựng ngành Kiểm sát nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn và nâng cao trình độ, năng lực của Kiểm sát viên; quản lý đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên của đơn vị mình.

Chương II**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA KIỂM SÁT VIÊN****Điều 12**

Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền Viện kiểm sát cấp mình theo phân công của Viện trưởng và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng.

Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp do pháp luật quy định.

Điều 13

Khi thực hiện nhiệm vụ, Kiểm sát viên phải tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp mình, sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Kiểm sát viên có quyền từ chối nhiệm vụ được giao khi có căn cứ cho rằng việc đó là trái pháp luật; nếu Viện trưởng vẫn quyết định thì Kiểm sát viên phải chấp hành, nhưng Viện trưởng phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình; trong trường hợp này Kiểm sát viên có quyền báo cáo lên Viện trưởng cấp trên trực tiếp và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Kiểm sát viên phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi trong các trường hợp do pháp luật tố tụng quy định.

Điều 14

Trong phạm vi công tác được giao, Kiểm sát viên có quyền ra quyết định, kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu theo quy định của pháp luật, trừ những việc thuộc thẩm quyền của Viện trưởng.

Viện trưởng có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, khắc phục kịp thời và xử lý nghiêm minh đối với vi phạm pháp luật của Kiểm sát viên khi thực hiện nhiệm vụ được giao; có quyền rút, đình chỉ hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ hoặc trái pháp luật của Kiểm sát viên khi thực hiện nhiệm vụ do Viện trưởng ủy quyền.

Điều 15

Kiểm sát viên không được làm những việc sau đây:

1. Những việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức không được làm.
2. Tư vấn cho bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ án hoặc những việc khác không đúng quy định của pháp luật.
3. Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết các vụ án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ án.
4. Đem hồ sơ vụ án hoặc tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan, nếu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền.
5. Tiếp bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong các vụ án mà mình có thẩm quyền giải quyết ngoài nơi quy định.

Điều 16

Kiểm sát viên phải gương mẫu trong việc chấp hành Hiến pháp, pháp luật, có cuộc sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng; tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Điều 17

Kiểm sát viên có trách nhiệm học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nghiệp vụ kiểm sát.

Chương III**TIÊU CHUẨN KIỂM SÁT VIÊN.
THỦ TỤC TUYỂN CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM,
CÁCH CHỨC KIỂM SÁT VIÊN****Mục 1****TIÊU CHUẨN KIỂM SÁT VIÊN****Điều 18³**

Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này, có thời gian làm công tác pháp luật từ bốn năm trở lên, có năng lực thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân; nếu người đó là sĩ quan quân đội tại ngũ thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự.

Điều 19⁴

1. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này và đã là Kiểm sát viên sơ cấp ít nhất là năm năm, có năng lực thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, có khả năng hướng dẫn nghiệp vụ kiểm sát đối với Kiểm sát viên sơ cấp thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên trung cấp của Viện kiểm sát nhân dân; nếu người đó là sĩ quan quân đội tại ngũ thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên trung cấp của Viện kiểm sát quân sự.

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

2. Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ của ngành Kiểm sát nhân dân, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này và đã có thời gian làm công tác pháp luật từ mười năm trở lên, có năng lực thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, có khả năng hướng dẫn nghiệp vụ kiểm sát đối với Kiểm sát viên sơ cấp, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên trung cấp của Viện kiểm sát nhân dân; nếu người đó là sĩ quan quân đội tại ngũ thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên trung cấp của Viện kiểm sát quân sự.

Điều 20⁵

1. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này và đã là Kiểm sát viên trung cấp ít nhất là năm năm, có năng lực thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, có khả năng hướng dẫn nghiệp vụ kiểm sát đối với Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm sát viên trung cấp, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; nếu người đó là sĩ quan quân đội tại ngũ thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương.

2. Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ của ngành Kiểm sát nhân dân, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này và đã có thời gian làm công tác pháp luật từ mười lăm năm trở lên, có năng lực thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, có khả năng hướng dẫn nghiệp vụ kiểm sát đối với Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm sát viên trung cấp, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; nếu người đó là sĩ quan quân đội tại ngũ thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Điều 21⁶

Trong trường hợp cần thiết, người đang công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân hoặc người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại ngành Kiểm sát nhân dân, tuy chưa đủ thời gian làm Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm sát viên trung cấp hoặc chưa đủ thời gian làm công tác pháp luật, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác quy định tại các điều 18, 19 hoặc Điều 20 của Pháp lệnh này, thì

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

cũng có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên sơ cấp hoặc Kiểm sát viên trung cấp của Viện kiểm sát nhân dân hoặc Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; nếu người đó là sĩ quan quân đội tại ngũ thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên sơ cấp hoặc Kiểm sát viên trung cấp của Viện kiểm sát quân sự hoặc Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Mục 2

THỦ TỤC TUYỂN CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC KIỂM SÁT VIÊN

Điều 22⁷

1. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân gồm có:

- a) Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương;
- b) Các Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân;
- c) Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự.

2. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên làm việc theo chế độ tập thể. Quyết định của Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Điều 23

1. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương gồm có Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành trung ương Hội luật gia Việt Nam là ủy viên.

Danh sách ủy viên Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

a) Tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao để Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước bổ nhiệm;

b) Xem xét những trường hợp Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương có thể được miễn nhiệm chức danh Kiểm sát viên quy định tại khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh này theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao để Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước miễn nhiệm;

c) Xem xét những trường hợp Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương có thể bị cách chức chức danh Kiểm sát viên quy định tại khoản 2 Điều 28 của Pháp lệnh này theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao để Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Chủ tịch nước cách chức.

Điều 24⁸

1. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân gồm có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) làm Chủ tịch, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh là ủy viên.

Danh sách ủy viên Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn làm Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để Chủ tịch Hội đồng đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm;

b) Xem xét những trường hợp Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân có thể được miễn nhiệm chức danh Kiểm sát viên quy định tại khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh này theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để Chủ tịch Hội đồng đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao miễn nhiệm;

c) Xem xét những trường hợp Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân có thể bị cách chức chức danh Kiểm sát viên quy định tại khoản 2 Điều 28 của Pháp lệnh này theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để Chủ tịch Hội đồng đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cách chức.

Điều 25⁹

1. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự gồm có Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban chấp hành trung ương Hội luật gia Việt Nam là ủy viên.

Danh sách ủy viên Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

2. Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn làm Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương để Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm;

b) Xem xét những trường hợp Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự có thể được miễn nhiệm chức danh Kiểm sát viên quy định tại khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh này theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương để Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao miễn nhiệm;

c) Xem xét những trường hợp Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự có thể bị cách chức chức danh Kiểm sát viên quy định tại khoản 2 Điều 28 của Pháp lệnh này theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương để Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cách chức.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Điều 26

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Kiểm sát viên ở mỗi cấp kiểm sát.

Điều 27

1. Kiểm sát viên đương nhiên được miễn nhiệm chức danh Kiểm sát viên khi nghỉ hưu.

2. Kiểm sát viên có thể được miễn nhiệm chức danh Kiểm sát viên do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 28

1. Kiểm sát viên đương nhiên bị mất chức danh Kiểm sát viên khi bị kết tội bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Kiểm sát viên có thể bị cách chức chức danh Kiểm sát viên khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp;

b) Vi phạm quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh này;

c) Bị kỷ luật bằng hình thức cách chức chức vụ quản lý đang đảm nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

d) Vi phạm về phẩm chất đạo đức;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 29

1. Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

3. Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

4. Phó viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự khu vực do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ

nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

5. Nhiệm kỳ của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện kiểm sát quân sự là năm năm, kể từ ngày được bổ nhiệm.

Điều 30¹⁰

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền quyết định:

a) Điều động Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát nhân dân địa phương này đến Viện kiểm sát nhân dân địa phương khác không cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; điều động Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao đến Viện kiểm sát nhân dân địa phương và ngược lại;

b) Biệt phái Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát nhân dân địa phương này đến làm nhiệm vụ có thời hạn tại Viện kiểm sát nhân dân địa phương khác không cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; biệt phái Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao đến làm nhiệm vụ có thời hạn tại Viện kiểm sát nhân dân địa phương và ngược lại;

c) Trong trường hợp cần thiết, điều động, biệt phái Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát nhân dân này đến Viện kiểm sát nhân dân khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền quyết định:

a) Điều động Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát nhân dân này đến Viện kiểm sát nhân dân khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Biệt phái Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát nhân dân này đến làm nhiệm vụ có thời hạn tại Viện kiểm sát nhân dân khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có quyền quyết định:

a) Điều động Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát quân sự này đến Viện kiểm sát quân sự khác cùng cấp sau khi thống nhất với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Biệt phái Kiểm sát viên từ Viện kiểm sát quân sự này đến làm nhiệm vụ có thời hạn tại Viện kiểm sát quân sự khác.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Pháp lệnh số 15/2011/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Chương IV

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI KIỂM SÁT VIÊN

Điều 31

1. Kiểm sát viên có thang bậc lương riêng, được hưởng phụ cấp trách nhiệm và các phụ cấp khác do pháp luật quy định.
2. Khi thực hiện nhiệm vụ, Kiểm sát viên được miễn phí cầu, phà, đường theo quy định của pháp luật.

Điều 32

Kiểm sát viên, cán bộ ngành kiểm sát được cấp trang phục và phù hiệu; Kiểm sát viên được cấp cấp hiệu, Giấy chứng minh Kiểm sát viên để làm nhiệm vụ.

Mẫu trang phục, chế độ cấp phát và sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, Giấy chứng minh Kiểm sát viên do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH^{11, 12}

¹¹ Nghị quyết số 131/2002/NQ-UBTVQH11 ngày 04 tháng 10 năm 2002 quy định một số điểm về việc thi hành Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quy định như sau:

“Điều 1

Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2002, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2002.

Điều 2

1. Các Thẩm phán được bổ nhiệm trước ngày 15 tháng 10 năm 2002 tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi hết nhiệm kỳ năm năm, kể từ ngày được bổ nhiệm.
2. Đối với những Thẩm phán được bổ nhiệm trước ngày 15 tháng 10 năm 2002, khi xét bổ nhiệm lại tuy chưa có trình độ cử nhân luật, chưa có chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ xét xử mà có đủ các tiêu chuẩn khác quy định tại Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân thì vẫn có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm lại làm Thẩm phán nhưng trong nhiệm kỳ mới phải học tập để có trình độ cử nhân luật.
3. Trong trường hợp đặc biệt, người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại ngành Tòa án nhân dân, tuy chưa có đủ thời gian làm công tác pháp luật, chưa được đào tạo về nghiệp vụ xét xử, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán.

Điều 3.

1. Các Kiểm sát viên được bổ nhiệm trước ngày 15 tháng 10 năm 2002 tiếp tục làm nhiệm vụ đến ngày 15 tháng 10 năm 2005.

2. Đối với những Kiểm sát viên được bổ nhiệm trước ngày 15 tháng 10 năm 2002, khi xét bổ nhiệm lại tuy chưa có trình độ cử nhân luật, chưa có chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát mà có đủ các tiêu chuẩn khác quy định tại Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thì vẫn có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm lại làm Kiểm sát viên nhưng trong nhiệm kỳ mới phải học tập để có trình độ cử nhân luật.

3. Trong trường hợp đặc biệt, người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại ngành Kiểm sát nhân dân, tuy chưa có đủ thời gian làm công tác pháp luật, chưa được đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Kiểm sát viên.

Điều 4. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.”

¹² Nghị quyết số 1023/2011/UBTVQH12 ngày 19 tháng 02 năm 2011 về việc thi hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quy định như sau:

“Điều 1

Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân được Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2011, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Điều 2

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện việc chuyển đổi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đương nhiệm sang ngạch Kiểm sát viên trung cấp và Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện việc chuyển đổi Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự khu vực đương nhiệm sang ngạch Kiểm sát viên trung cấp và Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự.

3. Nhiệm kỳ của Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp khi chuyển đổi được tiếp tục tính theo nhiệm kỳ của Kiểm sát viên khi được bổ nhiệm.

Điều 3

1. Lương của Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tương ứng với lương của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện được quy định tại Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 33

Pháp lệnh này thay thế Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân ngày 26 tháng 5 năm 1993.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 34

Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này./.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 28/VBHN-VPQH

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2013

CHỦ NHIỆM

Nguyễn Hạnh Phúc

2. Phụ cấp trách nhiệm đối với Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát quân sự thực hiện tương ứng với phụ cấp trách nhiệm đối với Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự khu vực theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Mẫu trang phục, chế độ cấp phát và sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, Giấy chứng minh Kiểm sát viên đối với Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp của Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tương ứng mẫu trang phục, chế độ cấp phát và sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, Giấy chứng minh Kiểm sát viên đối với Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện được quy định tại Nghị quyết số 219/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức ngành Kiểm sát và Giấy chứng minh Kiểm sát viên.

Điều 4

Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.”